

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17-11-2021

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình: Ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Quốc Hùng
2. Ông Nguyễn Thiện Pháp

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lâm Trí Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thu L, sinh năm 1998 (có mặt)

Địa chỉ: Số 27, tổ 01, ấp BH 1, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Anh Nguyễn Bá H, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: Số 245, tổ 11, ấp PA, xã AB, huyện TS, tỉnh An Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện của chị Võ Thị Thu L; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Nguyên đơn là bị Võ Thị Thu L trình bày: Chị L và anh H được mai mối và hai bên cũng có tìm hiểu một thời gian thì tiến đến hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn ngày 22/5/2018 tại UBND xã An Bình, huyện Thoại Sơn. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là những bất hòa trong cuộc sống, sinh hoạt giữa mẹ

chồng-con dâu và giữa chị em bạn dâu cùng sống chung trong nhà. Ngoài ra, do chị L muốn đi làm để tự lập về kinh tế nhưng anh H không cho nên vợ chồng cũng thường xuyên cự cãi. Đến khoảng tháng 05/2019, sau khi đi làm về chị L ghé nhà cha mẹ ruột dự đám giỗ nên về trễ, lúc về anh H gây sự chửi mắng và đuổi đi nên chị L đã bỏ về nhà cha mẹ sống từ đó đến nay. Trong thời gian bỏ đi, anh H có vài lần hẹn riêng chị L để mong hàn gắn nhưng chị L không đồng ý. Nay nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung nên chị L yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị L và anh H không có con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Bá H trình bày: Về điều kiện tiến đến hôn nhân, thời gian kết hôn như chị L trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình anh H. Tuy nhiên, chị L không muốn sống chung với gia đình chồng mà muốn anh H về sống chung với gia đình chị L, nhưng anh H là con trai út nên phải sống chung với cha mẹ, do không thống nhất về nơi ở nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Sau nhiều lần thuyết phục thì chị L xin được đi làm ở công ty, anh H cũng đồng ý. Đến khoảng năm 2019, chị L tự ý về nhà cha mẹ ruột sống mà không thương lượng với anh H. Trong thời gian đó, anh H có gặp chị L để thuyết phục chị L quay về nhưng không được. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn, nhưng sau khi suy nghĩ lại anh H thay đổi ý kiến không đồng ý.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, cả hai không có con chung.

Về tài sản chung: Trong ngày cưới, gia đình anh H đã cho 01 lượng vàng 24K (gồm: 01 lắc tay 04 chỉ, 01 dây chuyền 05 chỉ và 01 đôi bông tai 01 chỉ) và 20.000.000 đồng tiền phụ đám. Trong thời gian sống chung vợ chồng đã chi tiêu hết 04 chỉ vàng, còn lại 06 chỉ vàng hiện nay chị L đang giữ. Anh H yêu cầu chị L trả lại số vàng này cho cha mẹ anh.

Về nợ chung: Không nợ chung ai.

Tại phiên tòa:

- Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn anh H. Về tài sản chung: Trong ngày cưới cha mẹ chồng cho 01 lượng vàng 24K nhưng trong thời gian chung sống anh H đã dùng 05 chỉ vàng để làm ăn, số tiền này sau đó như thế nào chị L không rõ. Số vàng còn lại 05 chỉ, khi chị bỏ đi chị và anh H đã thống nhất, trước đây anh H lấy 05 chỉ, còn 05 chỉ là của chị và chị L đã dùng để trị bệnh nên không còn, anh H yêu cầu trả lại chị không đồng ý.

- Anh H không đồng ý ly hôn với chị L. Về tài sản chung: Anh H cho rằng cha mẹ cho 01 lượng vàng 24K, thời gian chung sống chi tiêu xài 4 chỉ, còn lại 6 chỉ chị L giữ nên yêu cầu chị L phải trả lại cho anh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L ly hôn anh H. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết anh H

có yêu cầu chia tài sản chung là 01 lượng vàng 24K và 20.000.000 đồng tiền đồng cho trong ngày cưới. Tuy nhiên, anh H không nộp đơn yêu cầu phân tố và nộp án phí theo quy định về yêu cầu chia tài sản chung nên không có căn cứ để xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Võ Thị Thu L và anh Nguyễn Bá H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, do UBND xã An Bình cấp ngày 22/5/2018). Anh Nguyễn Bá H có hộ khẩu thường trú tại ấp PA, xã AB, huyện TS, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*[2] Xét việc tranh chấp:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/5/2018 tại UBND xã An Bình, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo chị L trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất hòa trong sinh hoạt giữa chị với gia đình chồng và anh H không cho chị đi làm để tự chủ về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Khoảng tháng 05/2019 sau khi đi làm về chị L có ghé nhà cha mẹ dự đám giỗ của gia đình nên về trễ, khi về đến nhà thì anh H chửi mắng và xua đuổi nên chị L đã bỏ về nhà cha mẹ sống đến nay. Do nhận thấy vợ chồng không cùng quan điểm sống, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân nên chị L yêu cầu ly hôn anh H. Anh H thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không thống nhất về nơi ở. Trong thời gian chị L bỏ về nhà cha mẹ sống anh có gặp chị L vài lần để hàn gắn nhưng không được, trong quá trình giải quyết vụ án anh H có ý kiến thống nhất ly hôn, nhưng sau đó thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn và tại phiên tòa, anh H không đồng ý ly hôn, nếu chị L trả lại số vàng mà cha mẹ đã cho hiện chị L còn giữ thì anh mới đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong đời sống vợ chồng, giữa anh H và chị L không tìm được tiếng nói chung, không có giải pháp hiệu quả để hàn gắn khi phát sinh mâu thuẫn. Khi chị L yêu cầu ly hôn, anh H lúc thì đồng ý ly hôn, lúc lại không đồng ý ly hôn nhưng không nêu được lý do và giải pháp hiệu quả để hàn gắn. Thấy rằng, hôn nhân muốn tồn tại và phát triển phải do hai bên nam nữ tự nguyện chung sống và yêu thương nhau, anh H không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp hiệu quả để hàn gắn và chị L cương quyết ly hôn cho thấy mâu thuẫn giữa cả hai đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn anh H.

*[3] Về con chung:* Chị Võ Thị Thu L và anh Nguyễn Bá H trình bày cả hai không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[4] Về tài sản chung:*

Chị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H trình bày trong ngày cưới cha mẹ anh có tặng cho vợ chồng anh 01 lượng vàng 24K gồm: 01 lắc tay 04 chỉ; 01 dây chuyền 05 chỉ và 01 đôi bông tai 01 chỉ và đi tiền đồng 20.000.000 đồng. Tại Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 09/7/2021 anh H yêu cầu chia số tài sản trên còn tại Biên bản hòa giải ngày 25/10/2021 anh H trình bày trong thời gian chung sống đã chi tiêu hết 04 chỉ vàng, còn lại 6 chỉ vàng chị L đang giữ nên yêu cầu chị L trả lại cho cha mẹ anh. Tại phiên tòa anh H yêu cầu chị L trả lại 06 chỉ vàng cho anh.

Xét yêu cầu đối với tài sản của anh H: Căn cứ khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*”. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh H đưa ra yêu cầu về tài sản chung, Tòa án đã hướng dẫn anh H thực hiện thủ tục phản tố theo quy định nhưng anh H không thực hiện nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Trường hợp anh H tiếp tục tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

*[5] Về nợ chung:* Chị L và anh H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[6] Về án phí:* Chị Võ Thị Thu L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Bá H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 200, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thu L

*1. Về quan hệ hôn nhân:* Chị Võ Thị Thu L được ly hôn anh Nguyễn Bá H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 27 do UBND xã An Bình cấp ngày 22/5/2018 cho anh Nguyễn Bá H và chị Võ Thị Thu L không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

*2. Về án phí:* Chị Võ Thị Thu L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008565 ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn. Anh Nguyễn Bá H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

3. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Thoại Sơn (1);
- THADS huyện Thoại Sơn (1);
- UBND xã An Bình (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Linh**